



NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 20 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 09587777

Mã TTV: 5058

Số CT: 54468

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	40.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		40.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	4.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		44.000
Số tiền bằng chữ (In words) Bốn mươi bốn nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): DAT COC HD SO 1803/2026/HDMB		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 23 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 09883742

Mã TTV: 5058

Số CT: 92681

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	283.694
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		283.694
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	28.369
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		312.063
Số tiền bằng chữ (In words) Ba trăm mười hai nghìn không trăm sáu mươi ba đồng chẵn . /		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 2043 -CTY MINH KHANG		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 24 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 09932479

Mã TTV: 5058

Số CT: 38931

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	254.230
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		254.230
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	25.423
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		279.653
Số tiền bằng chữ (In words) Hai trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 001-002-003-004-006 NGÀY 2.1.2026 VÀ 3.1.2026 VÀ 5.1.2026		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 25 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00680295

Mã TTV: 9401

Số CT: 1063585624

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1063585624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): USD Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 26247

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	1
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		1
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	0,1
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		1,1
Số tiền bằng chữ (In words) Một US DOLLAR và mười cent chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): THU PHI QLTK TO CHUC- USD		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

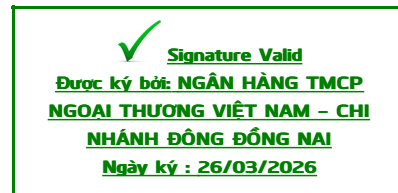
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 25 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00680563

Mã TTV: 9404

Số CT: 1027349624

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): THU PHI QLTK TO CHUC-VND		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

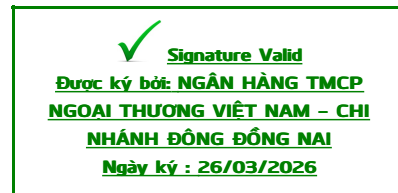
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KỶ ĐỒNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-072

Địa chỉ (Address): 13-13 Bis Kỳ Đồng, Phường Nhiều Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 25 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00234770

Mã TTV: 9407

Số CT: 12468207

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): THU PHI QLTK TO CHUC-VND		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KỶ ĐỒNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-072

Địa chỉ (Address): 13-13 Bis Kỳ Đồng, Phường Nhiều Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 25 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00235141

Mã TTV: 5087

Số CT: 10496

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	266.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		266.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	26.600
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		292.600
Số tiền bằng chữ (In words) Hai trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): IBVCB.202603255087045166.		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

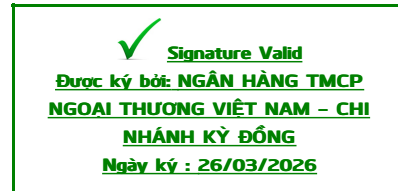
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KỶ ĐỒNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-072

Địa chỉ (Address): 13-13 Bis Kỳ Đồng, Phường Nhiều Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 25 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00235197

Mã TTV: 5087

Số CT: 8760

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	129.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		129.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	12.900
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		141.900
Số tiền bằng chữ (In words) Một trăm bốn mươi mốt nghìn chín trăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): IBVCB.202603255087044723.		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

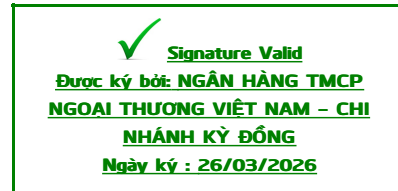
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐỒNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00693513

Mã TTV: 1001

Số CT: 447498

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001064547841 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	22.064.230
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		22.064.230
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.064.230
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm ba mươi đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1064547841		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

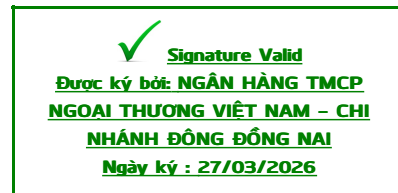
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00693514

Mã TTV: 1001

Số CT: 447508

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUODUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001062805233 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	3.925.857
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		3.925.857
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		3.925.857
Số tiền bằng chữ (In words) Ba triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi bảy đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1062805233		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

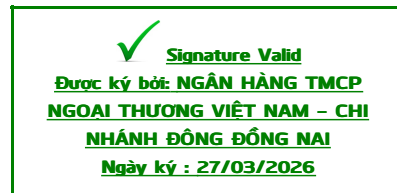
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00693532

Mã TTV: 1001

Số CT: 447507

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001062794165 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	5.022.711
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		5.022.711
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		5.022.711
Số tiền bằng chữ (In words) Năm triệu không trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm mười một đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1062794165		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

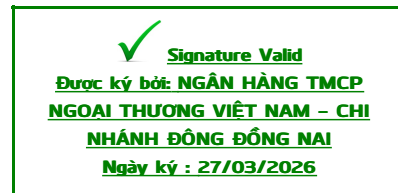
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00694360

Mã TTV: 1001

Số CT: 447501

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUODUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001064197083 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	3.666.884
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		3.666.884
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		3.666.884
Số tiền bằng chữ (In words) Ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi bốn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1064197083		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

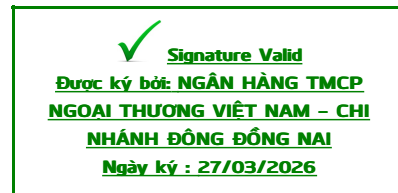
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐỒNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00694456

Mã TTV: 1001

Số CT: 447497

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001064475420 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	4.805.383
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		4.805.383
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		4.805.383
Số tiền bằng chữ (In words) Bốn triệu tám trăm linh năm nghìn ba trăm tám mươi ba đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1064475420		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

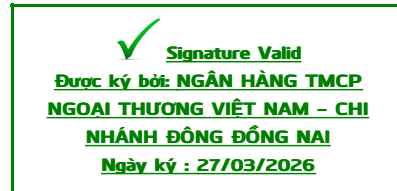
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00695145

Mã TTV: 1001

Số CT: 447499

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001064434548 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	2.290.351
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		2.290.351
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		2.290.351
Số tiền bằng chữ (In words) Hai triệu hai trăm chín mươi nghìn ba trăm năm mươi một đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1064434548		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

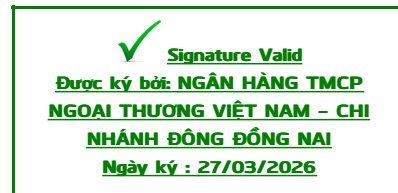
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00695250

Mã TTV: 1001

Số CT: 447504

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001063384139 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	3.440.241
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		3.440.241
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		3.440.241
Số tiền bằng chữ (In words) Ba triệu bốn trăm bốn mươi nghìn hai trăm bốn mươi mốt đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1063384139		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

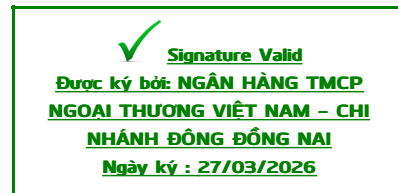
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00695251

Mã TTV: 1001

Số CT: 447509

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001062771765 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	48.855
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		48.855
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		48.855
Số tiền bằng chữ (In words) Bốn mươi tám nghìn tám trăm năm mươi lăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1062771765		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

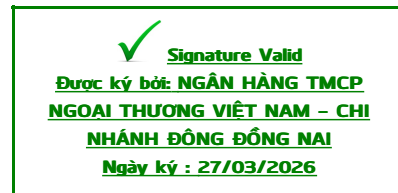
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐỒNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00695938

Mã TTV: 1001

Số CT: 447510

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001062834380 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	3.898.266
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		3.898.266
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		3.898.266
Số tiền bằng chữ (In words) Ba triệu tám trăm chín mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi sáu đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1062834380		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

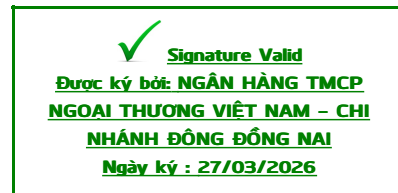
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00695939

Mã TTV: 1001

Số CT: 447513

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001061864860 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	7.017.294
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		7.017.294
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		7.017.294
Số tiền bằng chữ (In words) Bảy triệu không trăm mười bảy nghìn hai trăm chín mươi bốn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1061864860		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

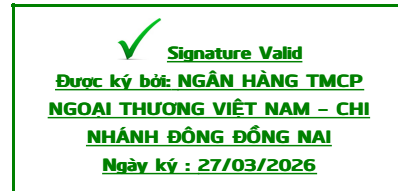
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)



**NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐỒNG ĐỒNG NAI**Mã số thuế (Tax Code): **0 1 0 0 1 1 2 4 3 7 - 1 4 5**

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): **00695940**

Mã TTV: 1001

Số CT: 447514

Tên khách hàng (Customer's name): **CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM**

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001061966536 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	3.449.675
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		3.449.675
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		3.449.675
Số tiền bằng chữ (In words) Ba triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1061966536		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

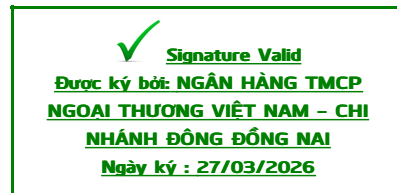
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00696091

Mã TTV: 1001

Số CT: 447506

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001062576676 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	4.180.541
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		4.180.541
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		4.180.541
Số tiền bằng chữ (In words) Bốn triệu một trăm tám mươi nghìn năm trăm bốn mươi mốt đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1062576676		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

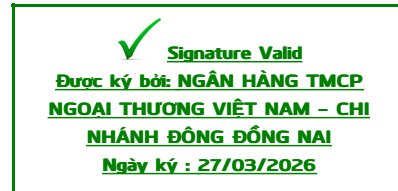
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐỒNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00696092

Mã TTV: 1001

Số CT: 447512

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001062068299 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	898.271
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		898.271
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		898.271
Số tiền bằng chữ (In words) Tám trăm chín mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi mốt đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1062068299		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

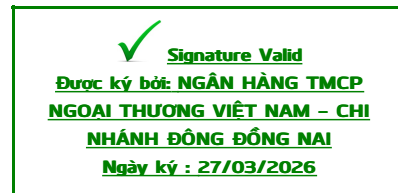
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00696111

Mã TTV: 1001

Số CT: 447515

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001065386685 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	2.727.947
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		2.727.947
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		2.727.947
Số tiền bằng chữ (In words) Hai triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1065386685		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

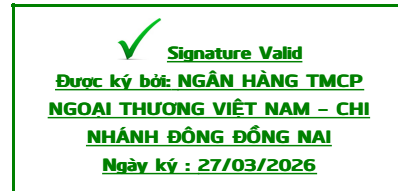
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00696161

Mã TTV: 1001

Số CT: 447500

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001064175684 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	5.728.902
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		5.728.902
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		5.728.902
Số tiền bằng chữ (In words) Năm triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn chín trăm linh hai đồng chẵn /		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1064175684		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

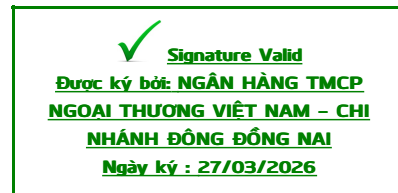
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐỒNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00696162

Mã TTV: 1001

Số CT: 447503

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001063653925 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	5.542.467
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		5.542.467
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		5.542.467
Số tiền bằng chữ (In words) Năm triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1063653925		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

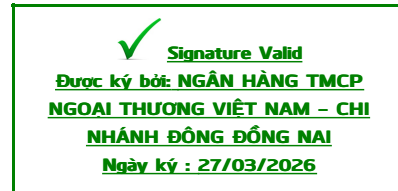
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐỒNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00696774

Mã TTV: 1001

Số CT: 447494

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001065164920 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	4.493.854
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		4.493.854
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		4.493.854
Số tiền bằng chữ (In words) Bốn triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1065164920		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

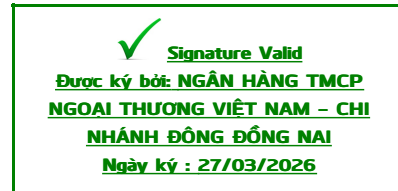
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)



**NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐỒNG ĐỒNG NAI**Mã số thuế (Tax Code): **0 1 0 0 1 1 2 4 3 7 - 1 4 5**

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): **00696835**

Mã TTV: 1001

Số CT: 447495

Tên khách hàng (Customer's name): **CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM**

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001064600143 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	5.303.132
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		5.303.132
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		5.303.132
Số tiền bằng chữ (In words) Năm triệu ba trăm linh ba nghìn một trăm ba mươi hai đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1064600143		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

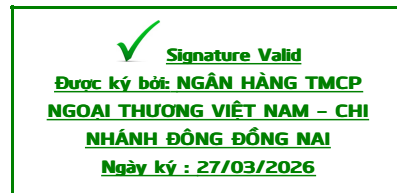
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐỒNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00696836

Mã TTV: 1001

Số CT: 447511

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001061936468 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	95.225
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		95.225
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		95.225
Số tiền bằng chữ (In words) Chín mươi lăm nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1061936468		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

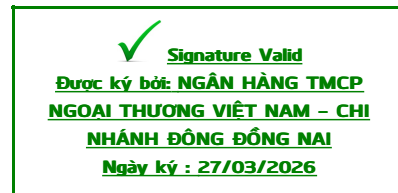
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00696907

Mã TTV: 1001

Số CT: 447496

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1064274567 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	3.217.036
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		3.217.036
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		3.217.036
Số tiền bằng chữ (In words) Ba triệu hai trăm mười bảy nghìn không trăm ba mươi sáu đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1064274567		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

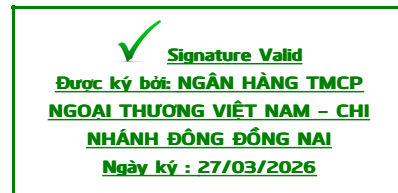
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐỒNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00696908

Mã TTV: 1001

Số CT: 447502

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001063800808 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	1.566.845
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		1.566.845
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		1.566.845
Số tiền bằng chữ (In words) Một triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi lăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1063800808		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

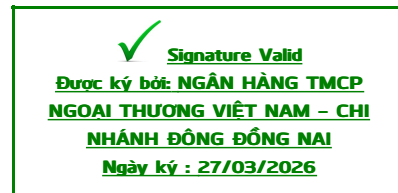
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)



**NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐỒNG ĐỒNG NAI**Mã số thuế (Tax Code): **0 1 0 0 1 1 2 4 3 7 - 1 4 5**

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): **00696909**

Mã TTV: 1001

Số CT: 447505

Tên khách hàng (Customer's name): **CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM**

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001062646660 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	3.341.819
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		3.341.819
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		3.341.819
Số tiền bằng chữ (In words) Ba triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn tám trăm mười chín đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1062646660		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

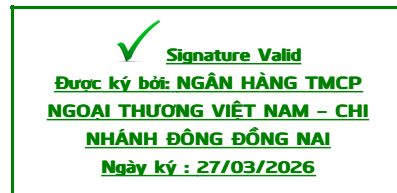
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 27 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 10291235

Mã TTV: 5056

Số CT: 54799

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	7.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		7.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	700
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		7.700
Số tiền bằng chữ (In words) Bảy nghìn bảy trăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): IBVCB.2703260805511002.THANH TOAN TIEN MUA HANG-CTY THUC PHAM HA LONG		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 27 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 10291278

Mã TTV: 5056

Số CT: 46911

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	7.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		7.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	700
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		7.700
Số tiền bằng chữ (In words) Bảy nghìn bảy trăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): IBVCB.2703260240053001.TAT TOAN YEU CAU DAT HANG SO 9545 NGAY 13.1.2026 -CTY APK TRADING		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 27 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00698299

Mã TTV: 4

Số CT: 103

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	5.227.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		5.227.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	522.700
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		5.749.700
Số tiền bằng chữ (In words) Năm triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): CHUYEN KHOAN27/03/2026+USD87,500.00+Fee:USD0.00+PAYMENT 70PCT TT AS ADVANCE PAYMENT OF CONTRACT NO 20251129 DATE NOV.29.2025, INVOICE NO 2025SAGA1220 DATE DEC.20.2025+F/O:JIANGSU SAGA TEXTILE MACHINERY CO.,LTD ++NO.2 XINJI IND PARK,YIZHENG CITY, JIANGSU, CH		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 28 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 10356056

Mã TTV: 5057

Số CT: 52489

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	7.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		7.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	700
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		7.700
Số tiền bằng chữ (In words) Bảy nghìn bảy trăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): IBVCB.2803260663973001.+BHXH+103+00+TU1428U+07925+Dong BHXH+		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 28 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 10406028

Mã TTV: 5056

Số CT: 68523

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	7.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		7.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	700
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		7.700
Số tiền bằng chữ (In words) Bảy nghìn bảy trăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): IBVCB.2803260131085002.PHI QUAN LY GIAN HANG DAT TRONG-CTY TRIEN LAM SAI GON		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 30 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 10547275

Mã TTV: 5058

Số CT: 93080

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): THANH TOAN TIEN THUE KHI NEN-DIEN-HOI CHO-CTY PICO		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 30 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 10547402

Mã TTV: 5058

Số CT: 91903

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	46.207
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		46.207
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	4.621
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		50.828
Số tiền bằng chữ (In words) Năm mươi nghìn tám trăm hai mươi tám đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 0005 NGÀY 5.1.2026		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 30 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): **10570564**

Mã TTV: 5058

Số CT: 97354

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): DAT COC THI CONG HOI CHO-CTY ASIA		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 31 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 10659144

Mã TTV: 5058

Số CT: 44830

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	52.699
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		52.699
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	5.270
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		57.969
Số tiền bằng chữ (In words) Năm mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi chín đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 007 NGÀY 5.1.2026		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 31 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00715907

Mã TTV: 4

Số CT: 26

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUOC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	2.736.230
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		2.736.230
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	273.623
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		3.009.853
Số tiền bằng chữ (In words) Ba triệu không trăm linh chín nghìn tám trăm năm mươi ba đồng chẵn /		
Ghi chú (Remarks): CHUYEN KHOAN31/03/2026+USD39,844.00+Fee:USD0.00+PAID 70PCT OF CTR NO 20253012 AT 30.12.2025 INV NO HY93-Z-20253012 AT 12.01.2026 +F/O:ZHEJIANG HAIYING INTELLIGENT SCIENCE AND TECHNOLOGY CO.,LTD ++LEAN VILLAGE,XINSHI TOWN DEQI NG IND ZONE HUZHOU CITY ZHEJIANG		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)

